

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa hư hỏng cục bộ đoạn Km10-Km13 (xã Co Mạ, Co Tòng) và xử lý điểm nguy cơ mất ATGT tại Km11+500-Km11+850 trên ĐT.108 (Co Mạ - Bó Sinh), ĐT.108

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh và vận hành, khai thác bến phà Nậm É, ĐT.116 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1307/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng cục bộ đoạn Km10-Km13 (xã Co Mạ,

Co Tồng) và xử lý điểm nguy cơ mất ATGT tại Km11+500-Km11+850 trên ĐT.108 (Co Mạ - Bó Sinh), ĐT.108.

2. Quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu: Sửa chữa các hư hỏng nền mặt đường, hệ thống thoát nước; hoàn thiện, xử lý điểm tiềm ẩn, bổ sung hệ thống an toàn giao thông (ATGT) nhằm cải thiện, nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Tuân thủ quy mô hiện trạng tuyến đường đang khai thác.

4.3. Giải pháp sửa chữa chủ yếu: Trên cơ sở nền, mặt đường hiện tại khôi phục mặt đường bằng đá dăm láng nhựa tại các vị trí hư hỏng xuống cấp; sửa chữa hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (ATGT). Mở rộng tầm nhìn, mở rộng nền, mặt đường, gia cố lề đường và bổ sung hệ thống ATGT điểm nguy cơ mất ATGT Km11+500-Km11+850, cụ thể:

a) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường

- Các vị trí mặt đường cũ bị rạn nứt, lún võng, bong bật: Vệ sinh, tạo nhám bù vênh đá dăm nước khôi phục siêu cao mui luyện; tăng cường lớp đá dăm nước, lớp trên dày 10cm, trên láng nhựa 03 lớp, dày 3,5cm ($TCN 4,5kg/m^2$), hai đầu đoạn sửa chữa vuốt nối hài hòa về mặt đường cũ đảm bảo êm thuận.

- Các vị trí mặt đường cũ bị phá vỡ, hư hỏng nặng: Bù vênh đá dăm nước khôi phục siêu cao mui luyện; tăng cường lớp móng đá dăm nước dày 25cm (*lớp trên dày 10cm, lớp dưới dày 15cm*), trên láng nhựa 03 lớp, dày 3,5cm ($TCN 4,5kg/m^2$), hai đầu đoạn sửa chữa vuốt nối hài hòa về mặt đường cũ đảm bảo êm thuận.

- Các vị trí mặt đường cũ bị cao su mặt và nền đường cục bộ: Đào bóc toàn bộ lớp kết cấu bị hư hỏng (*chiều sâu dự kiến 30cm*), đào thay đất yếu dưới khuôn dày trung bình 15cm; hoàn trả kết cấu mặt đường từ trên xuống: Mặt đường láng nhựa 03 lớp, dày 3,5cm ($TCN 4,5kg/m^2$)/móng bằng đá dăm nước dày 30cm (*lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm*)/khuôn đường đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 30cm.

- Đoạn Km11+639,86-Km11+683,72 mặt đường bị lún võng: Đắp hoàn trả đảm bảo cao độ thiết kế ($K \geq 0,98$); khôi phục cấu mặt đường từ trên xuống: Mặt đường láng nhựa 03 lớp, dày 3,5cm ($TCN 4,5kg/m^2$)/móng bằng đá dăm nước dày 30cm (*lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 15cm*).

- Sửa chữa, gia cố lề đường tại các đường cong có bán kính nhỏ: Xáo xới, lu lèn lớp đáy móng đạt độ chặt yêu cầu $K \geq 0,98$ dày 30cm, thi công lớp móng dưới đá dăm nước dày 15cm, lớp trên đá dăm nước dày 15cm, mặt đường láng nhựa 03 lớp, dày 3,5cm ($TCN 4,5kg/m^2$); phân lề tiếp giáp với rãnh dọc được gia cố bằng bê tông xi măng (BTXM) M250 dày 20cm/ bạt dứa chống thấm/ móng

đá dăm nước dầy 8cm để đảm bảo khả năng thoát nước; các đoạn còn lại đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$, phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa.

- Tại 05 đoạn tuyến: Km10+022,45 - Km10+040,45; Km10+061,37- Km10+069,37; Km10+134,90 - Km10+144,90; Km11+434,17 - Km11+442,17; Km11+484,79 - Km11+496,79 bị sạt lở taluy âm: Sửa chữa, gia cố rọ thép nhồi đá hộc kích thước (2x1x1)m để đảm bảo chiều rộng và giữ ổn định nền đường.

b) Sửa chữa rãnh thoát nước dọc

- Sửa chữa, gia cố rãnh dọc hình thang, kết cấu đáy BTXM M150 đổ tại chỗ, thành rãnh BTXM M200 lắp ghép. Gồm 2 loại:

+ Loại 1: Đáy rãnh rộng 40cm, miệng rãnh 120cm và sâu 40cm.

+ Loại 2: Đáy rãnh rộng 40cm, miệng rãnh 160cm và sâu 60cm.

- Tận dụng, sửa chữa đoạn rãnh đá xây cũ bị hư hỏng cục bộ bằng BTXM M200; nâng thành rãnh cũ bằng BTXM M200 để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa.

c) Công thoát nước ngang đường

- Tận dụng, sửa chữa nối dài công bản khẩu độ 1,0m (Km10+168,27; Km11+072,02; Km11+928,68 và Km12+359,6): Bản công lắp ghép bằng BTCT M300; mũ mố bằng BTCT M250. Thân công, móng công, tường cánh, tường đầu,...bằng BTXM M200.

- Các vị trí công bị hư hỏng tường đầu, tường cánh, sân công...: Sửa chữa bằng BTXM M200. Nâng cao gờ chắn bánh bằng BTXM M200 để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa.

d) Xử lý điểm tiềm ẩn, nguy cơ mất ATGT đoạn Km11+500 - Km11+850

- Hướng tuyến và nền đường: Giữ nguyên hướng tuyến theo đường cũ hiện trạng, mở rộng nền đường vào ta luy dương để mở rộng tầm nhìn; cạp mở rộng mặt đường về cả hai phía đường cong.

- Kết cấu mặt đường, lề đường: Đồng bộ với các loại kết cấu trên tuyến.

- Công thoát nước: Tận dụng, sửa chữa nối dài công bản khẩu độ 1,0m tại Km11+647,70 để phù hợp với nền đường sau khi mở rộng, kết cấu như sau: Bản công lắp ghép bằng BTCT M300; mũ mố bằng BTCT M250. Thân công, móng công, tường cánh, tường đầu,..., bằng BTXM đổ tại chỗ M200.

- Gia cố rãnh dọc: Đồng bộ theo kích thước chung trên tuyến.

đ) Hệ thống an toàn giao thông: Sửa chữa, bổ sung lắp đặt cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo, tiêu phản quang, hộ lan tôn sóng, vạch sơn giảm tốc phù hợp với mặt đường sau khi sửa chữa đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

e) Khối lượng và các chi tiết cụ thể: Theo hồ sơ thiết kế được Sở GTVT thẩm định tại Kết quả thẩm định số 1301/SGTVT-QLCL ngày 27/4/2024.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án (Báo cáo kinh tế – kỹ thuật)

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La;
- Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Trần Văn Khuy.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
- Diện tích đất sử dụng: Trong phạm vi đường cũ đang khai thác và hành lang đường bộ.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;
- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Đường ô tô cấp IV;
- Thời hạn sử dụng công trình chính: Theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 4054-2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 8863:2011 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 7570:2006 Yêu cầu kỹ thuật cốt liệu cho bê tông và vữa;
- TCVN 1651-1:2018; 1651-2:2018 Thép cốt bê tông;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2011 Yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông;
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 7.668.000.000 đồng (Bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 6.683.534.000 đồng;
- Chi phí QLDA : 146.989.000 đồng;

- Chi phí tư vấn : 606.816.000 đồng;
- Chi phí khác : 102.756.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 127.905.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải (Chủ đầu tư):

- Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung hồ sơ, quy trình, kết quả thẩm định dự án theo quy định;
- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả, tiến độ thời gian, tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành.

2. UBND huyện Thuận Châu có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong quá trình triển khai dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, P.KT);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh